

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2026/DS-PT

Ngày 03 - 3 - 2026

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán:

Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 613/2025/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 309/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cbị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 62/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1981; CCCD số 096081012*** cấp ngày 22/11/2021.

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã S, tỉnh C.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

+ Ông Lê Văn P - sinh năm 1991; Nơi cư trú: Ấp K, xã P, tỉnh C. (*Đại diện theo hợp đồng uỷ quyền ngày 20 tháng 5 năm 2025*) (Có mặt).

+ Ông Bùi Minh N – sinh năm 1984; Nơi cư trú: Ấp Hiệp T, xã N, tỉnh C. (*Đại diện theo hợp đồng uỷ quyền ngày 15 tháng 9 năm 2025*) (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Bình T, Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Hùng Vương LawGroup và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt)

- *Bị đơn:*

Ông Đặng Hoàng L, sinh năm 1976; CMND số 381478*** (vắng mặt)

Bà Trần Hằng N, sinh năm 1980; CCCD số 096180006*** (vắng mặt).
Cùng nơi cư trú: Ấp 6A, xã S, tỉnh C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Trần Văn Thời Cà Mau. Địa chỉ: Khóm 9, xã Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/3/2024 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/10/2024 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Nguồn gốc đất ông L đang sử dụng do ông L nhận chuyển nhượng của người khác vào năm 2016, đất ông L nhận chuyển nhượng nằm liền kề với đất của ông Phạm Quốc Triển, hai bên giáp nhau có bờ nhưng sau đó ông Triển ban bờ ra. Sau khi ông L chuyển nhượng đất và làm thủ tục có ông Phạm Quốc Triển chứng kiến ký giáp ranh và cắm trụ đá.

Đất ông L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 21/11/2017, gồm các thửa số 274, tờ bản đồ số 4, diện tích 1,268m², thửa số 266, tờ bản đồ số 4, diện tích 26.198m², đất tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh C.

Vào khoảng đầu năm 2023, ông Phạm Quốc Triển chuyển nhượng phần đất giáp ranh ông L cho ông Đặng Hoàng L và bà Trần Hằng N, khi ông L đến sử dụng đất và cắm ranh đất thì cắm lấn qua đất của ông L ngang mặt tiền 02m, dài từ tiền đến hậu 430m = 860m². Khi ông L phát hiện và trao đổi với ông L thì ông L không đồng ý trả lại đất. Trụ đá trước đây giữa ông L và ông Triển cắm không còn.

Khi ông L chuyển nhượng đất của ông Triển không có đo đạc và ông L không chứng kiến ký giáp ranh khi ông L đến cắm trụ đá lấn qua đất thì ông L mới phát hiện.

Nay ông L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đặng Hoàng L trả lại cho ông L diện tích đất lấn chiếm ngang 2,09m, dài 430m = 898,7m², đất tọa lạc tại Ấp Đ, xã S, tỉnh C, theo đo đạc thực tế diện tích 239,4m².

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Đặng Hoàng L trình bày:

Ông L không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, bởi lẽ khi ông nhận chuyển nhượng phần đất của ông Phạm Quốc Triển đã nhiều lần báo cho ông L và mời ông L đến chứng kiến nhưng ông L không có mặt nên chủ đất cũ là ông Triển và những người chứng kiến cắm trụ đá chứ không phải ông là người cắm trụ đá, đồng thời, hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở Văn phòng đăng ký đất đai huyện thời gian tới 05 tháng mà ông L không có ý kiến gì, hiện nay ông L yêu cầu khởi kiện ông là không đúng, đáng lẽ ra ông L phải thưa ông Triển - chủ đất cũ.

Thực tế phần đất ông đang quản lý, sử dụng vẫn còn thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi nhận chuyển nhượng đất ông L sử dụng đất theo bờ

ranh cũ, nay nếu ông L yêu cầu đòi phần đất chiều ngang 02m là lấy nguyên con bờ, bên phần đất của ông L không còn con bờ ranh để sử dụng. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông L, ông L yêu cầu hiện trạng bờ cũ hai bên cứ sử dụng, sau này nếu ai có mức hay chiếm đất thì yêu cầu xử lý tiếp, còn nếu ông L tiếp tục yêu cầu thì mọi chi phí đo đạc ông L phải chịu vì ông không có lần chiếm đất của ông L.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Trần Hằng N thống nhất với lời trình bày của ông L, bà không bổ sung gì thêm.

Quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Trần Văn Thời Cà Mau xác định hợp đồng tín dụng liên quan đến phần đất thế chấp, người vay vốn không vi phạm nghĩa vụ nên ngân hàng không có yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng tín dụng trong vụ án này.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 309/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cđã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu bị đơn ông Đặng Hoàng L và bà Trần Hằng N trả phần đất có diện tích 239,4m² tọa lạc tại Ấp Đ, xã S, tỉnh C.

(Kèm theo Bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Đo đạc Bản đồ Tấn Cường tại Cà Mau)

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 13 tháng 10 năm 2025, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo của nguyên đơn.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày: Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả phần diện tích đất 239,4m² tọa lạc tại Ấp Đ, xã S, tỉnh C.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 309/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L khởi kiện yêu cầu đòi quyền sử dụng đất đối với ông Đặng Hoàng L, bà Trần Hằng N; ông L và bà N cư trú tại xã Sông Đốc, tỉnh Cà Mau, đối tượng tranh chấp là phần đất tọa lạc tại xã Sông Đốc, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cthụ lý, giải quyết là đúng quan hệ tranh chấp và đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Phần đất tranh chấp giữa nguyên đơn Nguyễn Văn L với bị đơn Đặng Hoàng L, Trần Hằng N là ranh đất giữa phần đất của ông L với ông L và bà N, theo đo đạc thực tế đất tranh chấp có diện tích đất 239,4m², tọa lạc tại Ấp Đ, xã S, tỉnh C, có tứ cận:

- Hướng Bắc giáp phần đất của ông Nguyễn Văn L từ điểm M8M9M10M11M12M13M14M3;

- Hướng Nam giáp phần đất của ông Đặng Hoàng L từ điểm M7M20M19M18M17M16M15M3;

- Hướng Đông giáp phần đất của ông Trần Minh Mọi tại điểm M3;

- Hướng Tây giáp Kênh 4 Thước từ điểm M7M8.

Hiện nay phần đất tranh chấp là bờ ranh, hai bên cùng sử dụng. Nguyên đơn cho rằng toàn bộ phần đất bờ ranh nêu trên thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn nên yêu cầu đòi lại đất.

[2.2] Xét nguồn gốc phần đất của hai bên đương sự, phần đất của ông L có nguồn gốc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Hoa tại các thửa số 266, 274 tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp Đất Biền, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (nay là ấp Đất Biền, xã Sông Đốc, tỉnh Cà Mau), ông L được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp quyền sử dụng đất vào ngày 21 tháng 11 năm 2017, tại thửa 274 có cạnh Hướng Tây giáp Bờ Kinh 4 Thước dài 67,51m; thửa 266 có cạnh Hướng Đông giáp các thửa 248, 255, dài 66,54m (thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 212914), về vị trí, diện tích phần đất cấp quyền sử dụng cho ông L, không có biến động thay đổi so với vị trí, diện tích phần đất cấp quyền sử dụng cho bà Trần Thị Hoa. Nguồn gốc phần đất của ông L, bà N là nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ ông Phạm Quốc Triển tại các thửa số 570, 286, 278 tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh C (nay là Ấp Đ, xã S, tỉnh C), ông L và bà N được Sở Tài nguyên và Môi

trường tỉnh Cà Mau cấp quyền sử dụng đất vào ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại thửa 570 có cạnh Hướng Tây giáp Đường đất dài 20m (thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DL 125046); tại thửa 286 cạnh Hướng Tây giáp Đường đất dài 18,4m (thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DL 125045); thửa 278 có cạnh Hướng Đông giáp thửa 636, dài 33,96m (thể hiện tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DL 125044). Đây là các tình tiết, sự kiện được các bên đương sự thống nhất thừa nhận, phù hợp với thực tế khách quan nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Xét thấy, căn cứ vào Bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 02 tháng 8 năm 2024, các cơ quan chuyên môn đã thể hiện phần đất còn lại của ông Nguyễn Văn L, cạnh dài Hướng Đông là 62,61m, cạnh dài Hướng Tây là 65,53m; phần đất còn lại của ông Đặng Hoàng L, cạnh dài Hướng Đông là 35,73m, cạnh dài Hướng Tây là 33,46m. So sánh đối chiếu với kích thước phần đất ông L và ông L được cấp tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần đất trên thực tế của ông L cạnh dài Hướng Đông ít hơn 3,93m, cạnh dài Hướng Tây ít hơn 1,98m; trong khi phần đất trên thực tế của ông L cạnh dài Hướng Đông nhiều hơn 1,77m, cạnh dài Hướng Tây ít hơn 2,67m.

[2.4] Xét thấy, nguồn gốc các phần đất nguyên đơn và bị đơn đang quản lý sử dụng đều được các đương sự nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của người khác. Qua kết quả đo đạc, phần đất của bị đơn không tranh chấp là 16,208.9m², ít hơn phần đất được cấp quyền sử dụng của bị đơn có tổng diện tích là 16.372m² nên nếu tính cả phần đất tranh chấp thì đất của ông L dư so với chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là 76,3m²; Kích thước đo đạc cạnh có tranh chấp ở Hướng Tây (giáp lộ đất kinh 4 thước) ngắn hơn so với quyền sử dụng đất được cấp. Trong khi quyền sử dụng đất theo đo đạc thực tế của nguyên đơn, cộng với phần đất tranh chấp (diện tích 239,4m²) thì thiếu so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến 1.828,4m². Do đó, việc dư hay thiếu diện tích đất của nguyên đơn và bị đơn trên thực tế so với Giấy chứng nhận các đương sự được cấp quyền sử dụng đất không phải là căn cứ để xem xét, đánh giá có hay không sự việc bị đơn lấn chiếm đất như ý kiến trình bày của nguyên đơn. Cấp sơ thẩm đã tham khảo bản vẽ hiện trạng ranh giới theo ranh bản đồ cấp chứng nhận quyền sử dụng đất (BL 71) để nhận định phần đất thửa 266, 274 của ông L nằm lấn sang phần đất khác của ông L là có cơ sở, bởi lẽ, diện tích đất ông L bị thiếu so với giấy chứng nhận là rất lớn, ngoài phần đất thuộc các thửa đất giáp ranh với bị đơn, ông L còn có nhiều phần đất khác liền cạnh với các thửa đất 266, 274 tờ bản đồ số 4.

[2.5] Ngoài ra, tại Biên bản thẩm định ngày 02/8/2024 (BL 66 - 67) thể hiện các bên đương sự thống nhất các cây lâu năm gồm: 07 cây dừa khoảng 05 năm tuổi, 01 bụi tre (khoảng 10 cây tre), 01 cây xoài khoảng 03 năm, 01 cây cóc khoảng 10 năm, 01 cây xanh do bị đơn ông L, bà N quản lý sử dụng từ khi nhận chuyển nhượng đất của ông Triền, điều này phù hợp với lời trình bày của ông

Phạm Quốc Triển. Đối với các Tờ tường trình do nguyên đơn cung cấp của ông Nguyễn Văn Bương (trưởng ấp), Nguyễn Trọng Nghĩa và Trần Thị Hoa, Toà án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh với ông Nguyễn Văn Bương (trưởng ấp) (BL 245), ông Bương xác định việc di dời trụ đá hay việc bị đơn ông L có lấn đất nguyên đơn ông L hay không đều do “*nghe nguyên đơn ông L trình báo*” chứ không có chứng kiến trực tiếp hay được biết nên các ý kiến của những người này chưa đủ cơ sở chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn ông L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh bị đơn ông L có hành vi lấn chiếm quyền sử dụng đất. Mặt khác, bờ ranh đất đã được hai bên sử dụng chung, trải qua quá trình sử dụng ổn định liên tục từ những chủ đất cũ là bà Trần Thị Hoa, ông Phạm Quốc Triển đều không xảy ra tranh chấp, bờ ranh thì mỗi bên giáp ranh được sử dụng $\frac{1}{2}$ bờ là phù hợp với phong tục tập quán ở địa phương nhưng tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02/8/2024 (BL 65-68) ông L cho rằng bờ chung ông sử dụng $\frac{2}{3}$ còn bên bị đơn sử dụng $\frac{1}{3}$ là chưa phù hợp. Do đó, cấp sơ thẩm căn cứ quá trình quản lý, sử dụng lâu dài ổn định diện tích đất tranh chấp, căn cứ tập quán địa phương để xác định nguyên đơn khởi kiện không có căn cứ, không chấp nhận yêu cầu đòi đất của nguyên đơn là đúng quy định, đã xem xét đánh giá chứng cứ đầy đủ, khách quan, toàn diện và áp dụng đúng các quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông L yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của ông: Xét thấy, như đã nhận định, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ đầy đủ, khách quan, toàn diện và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định, do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L.

[4] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông L yêu cầu chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông L: Như đã nhận định nêu trên, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 309/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau, như đã phân tích trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[6] Án phí phúc thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 309/2025/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Cà Mau.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 157, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các điều 167, 188 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 27, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu bị đơn ông Đặng Hoàng L và bà Trần Hằng N trả phần đất có diện tích 239,4m² tọa lạc tại Ấp Đ, xã S, tỉnh C.

(Kèm theo Bản vẽ trích đo hiện trạng ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Đo đạc Bản đồ Tấn Cường tại Cà Mau)

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn L đã nộp chi phí đo đạc và xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 13.208.000 đồng, đã thực hiện xong.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng. Ngày 12 tháng 3 năm 2024, ông L có nộp tạm ứng án phí 2.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0004674 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Cà Mau), được đối trừ và hoàn trả lại cho ông L số tiền 1.700.000 đồng.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 13 tháng 10 năm 2025, ông Nguyễn Văn L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001731 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được chuyển thu án phí toàn bộ.

4. *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa PT TATC tại Tp. HCM (01 bản);
- VKSND tỉnh Cà Mau (01 bản);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND Khu vực 3 – Cà Mau (01 bản);
- Phòng THADS Khu vực 3 – Cà Mau (01 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

Châu Minh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tăng Trần Quỳnh Phương

Hoàng Thị Hải Hà

Châu Minh Nguyệt